

THÔNG KÊ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN THCS

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Chuẩn quốc gia	Tổng số			Chia ra								Cán bộ GVCNV					Phòng học				
							Lớp 6			Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Chia ra		
				Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	CBQL	Giáo viên	Giáo viên đoàn đội		Nhân viên	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm				
	TỔNG SỐ	425	340	6,654	275,674	70,471	1,663	70,208	69,975	1,632	67,775	1,850	77,647	1,509	60,044	14,635	1,018	12,127	345	1,490	3,095	3,068	19	8
1	Trường trực thuộc Sở			34	973	268	9	262	261	8	238	10	284	7	189	64	1	48		15	28	28		
2	Phường Châu Sơn	3		51	2,040	534	13	534	531	12	442	14	585	12	479	101	6	85	2	10	51	51		
3	Phường Đông A	3	3	39	1,770	484	10	485	484	9	426	11	492	9	367	79	6	66	1	7	16	16		
4	Phường Đông Hoa Lư	4	4	57	2,280	631	15	626	624	13	557	16	625	13	472	122	12	103	3	7	21	21		
5	Phường Đồng Văn	3	2	49	2,261	556	12	550	548	12	580	13	632	12	499	99	8	84	3	7	21	21		
6	Phường Duy Hà	3		42	1,950	500	11	500	500	11	493	12	567	8	390	85	7	72	2	6	42	42		
7	Phường Duy Tân	2	1	38	1,671	434	9	433	432	9	404	11	482	9	352	80	7	66	1	7	2	2		
8	Phường Duy Tiên	5	3	65	2,859	723	17	721	721	16	725	19	823	13	590	139	11	112	3	16	5	5		
9	Phường Hà Nam	3	3	41	1,597	406	10	403	402	10	361	12	473	9	360	83	8	67		8	38	38		
10	Phường Hoa Lư	13	11	266	11,522	2,961	68	2,959	2,954	65	2,836	73	3,210	60	2,517	547	30	480	11	37	46	46		
11	Phường Hồng Quang	3	3	59	2,503	597	14	591	591	14	625	17	697	14	590	129	7	112	1	10	4	4		
12	Phường Kim Bảng	3	3	47	1,906	479	12	480	479	12	492	12	533	11	401	104	8	86	2	10	23	23		
13	Phường Kim Thanh	3	2	40	1,717	464	11	462	462	9	367	12	516	8	372	85	7	69	2	9	3	3		
14	Phường Lê Hồ	3	2	52	2,087	561	13	560	560	13	517	15	586	11	424	114	7	97	2	10	20	20		
15	Phường Liêm Tuyền	3	2	41	1,666	403	10	403	400	10	409	11	456	10	398	98	8	79	2	11	4	4		
16	Phường Lý Thường Kiệt	3		41	1,718	409	10	408	407	10	421	12	514	9	375	100	7	82	3	11	3	3		
17	Phường Mỹ Lộc	4	4	65	2,842	685	16	683	683	15	686	19	801	15	672	141	10	118	1	13	28	28		
18	Phường Nam Định	11	9	273	12,729	3,226	67	3,204	3,188	67	3,021	75	3,567	64	2,937	552	26	495	7	31	73	73		
19	Phường Nam Hoa Lư	5	4	81	3,506	891	20	888	886	20	905	23	984	18	729	187	12	159	4	16	41	41		
20	Phường Nguyễn Úy	3	3	40	1,653	429	10	431	429	10	399	11	460	9	363	87	8	70	2	9	40	40		
21	Phường Phù Lý	6	1	122	5,219	1,273	29	1,274	1,272	29	1,219	36	1,555	28	1,171	249	13	215	6	21	72	72		
22	Phường Phù Vân	3	1	57	2,405	570	14	570	570	15	627	15	700	13	508	109	7	96	2	6	3	3		
23	Phường Tam Chúc	1	1	27	1,089	290	7	290	290	7	254	7	309	6	236	69	6	54	3	9	28	28		
24	Phường Tam Điệp	3		54	2,341	596	14	592	591	14	598	15	645	11	506	107	7	93	3	7	53	53		
25	Phường Tây Hoa Lư	5	5	76	2,976	723	18	733	719	18	715	21	820	19	708	179	14	154	6	11	32	32		
26	Phường Thành Nam	2	2	43	2,132	541	11	540	540	11	546	11	592	10	454	84	4	76	1	4	3	3		
27	Phường Thiên Trường	2	1	35	1,490	350	8	350	349	8	367	11	428	8	345	75	4	66	1	5	2	2		
28	Phường Tiên Sơn	3	2	42	1,768	459	10	454	452	10	435	12	506	10	373	86	7	71	1	8	4	4		
29	Phường Trung Sơn	3	3	51	2,249	552	12	548	548	12	541	15	664	12	496	112	7	92	3	13	3	3		
30	Phường Trường Thi	4	4	76	3,370	788	18	789	785	18	823	23	997	17	761	170	12	141	1	17	20	20		
31	Phường Vị Khê	4	4	57	2,244	546	12	545	544	12	485	18	689	15	525	127	9	110	3	8	13	13		
32	Phường Yên Sơn	3	3	35	1,432	413	11	411	411	8	336	9	394	7	291	78	7	61	2	10	20	20		
33	Phường Yên Thắng	4	4	46	1,798	514	13	511	511	11	441	12	498	10	348	104	8	82	3	14	11	11		
34	Xã Bắc Lý	3	1	44	1,787	496	12	497	493	11	450	12	459	9	381	97	7	82	3	8	34	34		
35	Xã Bình An	4	4	53	2,262	562	13	560	559	14	604	14	605	12	493	115	9	93	7	13	34	26		8
36	Xã Bình Giang	3	1	32	1,439	373	8	370	370	8	368	10	402	6	299	70	6	58	2	6	21	21		
37	Xã Bình Lục	3	3	45	2,105	537	12	545	533	11	550	12	580	10	430	96	5	82	2	9	14	14		
38	Xã Bình Minh	3	3	50	2,114	577	13	564	562	13	519	13	607	11	424	112	7	93	3	12	17	17		
39	Xã Bình Mỹ	4	1	51	2,060	498	12	495	495	12	482	15	588	12	495	122	10	101	3	11	27	27		
40	Xã Bình Sơn	3	3	38	1,583	398	10	394	394	9	383	10	466	9	340	85	6	69	3	10	27	26	1	
41	Xã Cát Thành	3	1	56	2,265	562	13	562	559	15	593	15	635	13	475	122	7	105	2	10	29	29		
42	Xã Chát Bình	2		29	909	234	7	234	233	8	217	8	270	6	188	77	8	57	4	12	13	10	3	
43	Xã Cổ Lễ	3	3	68	2,805	738	17	738	736	16	700	19	765	16	602	152	9	127	3	16	18	18		
44	Xã Cúc Phương	2	2	16	615	166	4	167	166	4	142	4	167	4	139	39	4	30	3	5	9	9		
45	Xã Đại Hoàng	4	3	41	1,511	453	11	451	451	10	361	11	388	9	311	96	8	69	3	19	13	13		
46	Xã Định Hóa	3	1	38	1,592	424	10	423	421	10	388	10	464	8	317	86	7	69	2	10	14	14		
47	Xã Đông Thái	3	3	40	1,596	430	10	428	428	10	394	11	447	9	327	94	6	76	3	12	29	29		

48	Xã Đồng Thịnh	2	2	38	1,338	276	10	276	275	10	368	9	365	9	329	95	7	78	3	10	38	38		
49	Xã Gia Hưng	3	2	35	1,405	356	9	355	349	9	341	9	382	8	327	80	6	61	1	13	35	35		
50	Xã Gia Lâm	3	3	35	1,443	373	9	370	369	9	381	9	392	8	300	77	6	65	2	6	13	13		
51	Xã Gia Phong	1		21	769	171	5	170	170	5	197	6	219	5	183	58	4	44	2	10	21	21		
52	Xã Gia Trấn	2	2	38	1,373	347	9	345	345	11	385	10	385	8	258	89	5	73	5	11	26	26		
53	Xã Gia Tường	2	2	33	1,267	323	8	322	322	9	342	9	344	7	259	70	6	60	1	4	3	3		
54	Xã Gia Vân	3	3	48	1,899	458	11	456	455	12	507	14	539	11	397	98	6	83	2	9	16	16		
55	Xã Gia Viễn	4	2	51	2,053	500	12	493	493	13	493	15	606	11	461	115	8	90	4	17	32	32		
56	Xã Giao Bình	3	3	39	1,518	389	10	385	384	9	359	11	442	9	332	87	6	73	3	8	39	39		
57	Xã Giao Hòa	3	3	55	2,260	574	14	573	573	14	552	14	607	13	528	119	6	105	1	8	3	3		
58	Xã Giao Hưng	3	3	40	1,512	388	10	382	381	10	385	11	387	9	358	92	6	76	3	10	16	16		
59	Xã Giao Minh	3	3	39	1,462	396	11	398	393	10	370	11	391	7	303	90	7	74	3	9	20	20		
60	Xã Giao Ninh	3	3	49	2,017	482	11	487	482	12	526	14	560	12	444	106	6	92	1	8	49	49		
61	Xã Giao Phúc	3	3	41	1,482	354	10	354	352	10	350	11	440	10	338	90	5	77	3	8	41	41		
62	Xã Giao Thủy	4	4	74	2,735	742	19	730	721	18	671	20	747	17	587	175	13	143	3	19	33	33		
63	Xã Hải An	2	2	34	1,376	338	9	338	338	8	347	10	402	7	289	72	3	58	4	11	25	25		
64	Xã Hải Anh	3	3	77	3,345	853	19	847	846	20	852	21	916	17	730	147	7	129	2	11	57	57		
65	Xã Hải Hậu	5	5	78	3,237	891	21	880	879	19	790	21	876	17	691	162	12	127	6	23	51	51		
66	Xã Hải Hưng	7	7	92	3,821	1,027	24	1,016	1,012	24	945	25	1,053	19	807	198	14	158	7	26	29	29		
67	Xã Hải Quang	3	3	38	1,571	411	10	405	404	9	381	10	438	9	347	84	6	67	3	11	3	3		
68	Xã Hải Thịnh	3	3	44	1,880	473	11	473	471	11	469	12	517	10	421	94	6	78	1	10	34	34		
69	Xã Hải Tiến	4	4	66	2,739	702	16	702	699	15	646	20	789	15	602	137	9	112	2	16	16	16		
70	Xã Hải Xuân	5	5	68	2,903	750	18	744	739	17	735	19	789	14	635	140	10	113	7	17	27	27		
71	Xã Hiền Khánh	3	3	41	1,764	441	10	440	439	10	437	12	510	9	377	100	8	76	3	16	29	29		
72	Xã Hồng Phong	3	3	35	1,435	387	9	387	386	9	337	9	405	8	306	77	6	62	2	9	13	13		
73	Xã Khánh Hội	3	3	37	1,544	396	9	390	390	8	363	12	493	8	298	82	8	67	3	7	3	3		
74	Xã Khánh Nhạc	2	2	38	1,676	426	9	427	426	10	411	11	469	8	369	82	4	72	2	6	15	15		
75	Xã Khánh Thiện	3	3	40	1,540	435	10	434	434	10	397	11	426	9	283	93	11	74	3	8	3	3		
76	Xã Khánh Trung	2	2	37	1,619	411	9	409	409	9	415	10	454	9	341	77	8	63	3	6	4	4		
77	Xã Kim Đông	2	2	18	748	210	4	208	208	5	203	5	203	4	134	45	4	35	4	6	2	2		
78	Xã Kim Sơn	1		24	976	256	6	251	251	6	220	6	272	6	233	66	5	50	3	11	21	17	4	
79	Xã Lai Thành	3	3	40	1,700	457	10	446	445	10	409	10	476	10	369	90	7	74	1	9	19	19		
80	Xã Liêm Hà	2	1	41	1,653	385	10	384	384	10	397	12	496	9	376	97	6	79	3	12	22	22		
81	Xã Liên Minh	3	3	36	1,673	419	9	421	419	9	418	10	493	8	341	78	6	60	3	12	4	4		
82	Xã Lý Nhân	3	1	47	1,821	493	13	495	493	11	428	13	519	10	379	97	6	82	1	9	29	29		
83	Xã Minh Tân	3	3	36	1,584	405	9	406	405	9	391	10	461	8	326	86	8	63	3	15	23	23		
84	Xã Minh Thái	3	3	51	2,133	533	13	536	533	13	545	14	581	11	471	100	6	86	1	8	37	37		
85	Xã Nam Đồng	2	2	30	1,203	297	7	297	295	8	303	8	325	7	278	66	4	55	2	7	13	13		
86	Xã Nam Hồng	3	3	43	1,812	431	10	431	430	10	405	13	577	10	399	98	7	84	2	7	4	3	1	
87	Xã Nam Lý	3	1	59	2,519	621	14	620	618	14	573	16	704	15	622	125	5	110	2	10	3	3		
88	Xã Nam Minh	3	3	45	1,871	469	11	468	468	11	481	12	507	11	415	100	8	81	2	11	20	20		
89	Xã Nam Ninh	5	4	63	2,389	614	15	610	609	16	596	17	634	15	549	155	12	130	3	13	63	63		
90	Xã Nam Trực	3	3	60	2,275	549	13	539	537	14	560	17	686	16	490	123	9	108	4	6	33	33		
91	Xã Nam Xang	3	1	39	1,523	419	11	414	413	10	392	10	403	8	314	89	6	74	2	9	39	39		
92	Xã Nghĩa Hưng	5	5	61	2,488	639	15	632	632	15	592	16	699	15	565	146	10	123	2	13	5	5		
93	Xã Nghĩa Lâm	2	1	41	1,450	370	10	371	369	8	331	13	411	10	337	81	6	66		9	2	2		
94	Xã Nghĩa Sơn	2	2	42	1,773	434	10	434	433	10	433	12	527	10	379	84	4	73	3	7	27	27		
95	Xã Nhân Hà	3	2	38	1,432	337	9	336	336	9	330	11	422	9	344	79	6	65	2	8	22	22		
96	Xã Nho Quan	4	4	57	2,236	583	14	580	576	14	552	16	642	13	462	128	10	104	4	14	57	57		
97	Xã Ninh Cường	3	3	48	2,085	529	13	526	525	12	515	13	590	10	454	101	7	85	1	9	3	3		
98	Xã Ninh Giang	2	2	51	2,141	560	12	558	556	12	511	15	618	12	454	110	7	95	2	8	36	36		
99	Xã Phát Diệm	4	2	54	2,189	582	14	583	580	13	535	15	601	12	470	130	13	100	5	17	18	18		
100	Xã Phong Doanh	5	4	55	2,068	508	13	503	503	13	507	15	566	14	492	123	8	95	3	20	54	48	6	
101	Xã Phú Long	2	2	18	693	158	4	161	158	5	183	5	202	4	147	44	4	34	2	6	11	11		
102	Xã Phú Sơn	2	2	36	1,455	400	10	398	396	9	353	9	383	8	321	81	6	64	2	11	18	18		
103	Xã Quang Hưng	2	2	30	1,159	288	7	292	287	7	286	9	335	7	246	70	5	55	1	10	2	2		
104	Xã Quang Thiện	3	2	38	1,647	444	10	443	441	10	424	9	431	9	349	95	9	74	2	12	12	12		
105	Xã Quỳ Nhất	2	2	46	1,824	484	13	485	484	11	457	11	470	11	412	117	10	90	5	17	2	2		
106	Xã Quỳnh Lưu	2	2	31	1,255	318	8	316	316	8	321	8	350	7	268	69	4	59	4	6	32	32		
107	Xã Rạng Đông	3	3	45	1,919	515	12	513	511	10	442	13	564	10	400	101	6	84	2	11	3	3		
108	Xã Tân Minh	6	4	51	1,828	460	12	461	460	12	444	15	523	12	400	130	11	100	5	19	20	20		

109	Xã Tân Thanh	4	1	55	2,302	593	14	589	587	14	562	15	648	12	503	130	9	106	2	15	5	5		
110	Xã Thanh Bình	2		30	1,201	275	7	277	275	7	284	9	347	7	293	74	6	58		10	22	22		
111	Xã Thanh Lâm	3	2	41	1,664	416	10	408	408	11	419	12	495	8	342	85	6	68	1	11	20	20		
112	Xã Thanh Liêm	2	2	35	1,488	398	9	393	393	8	345	10	427	8	323	78	6	63	1	9	3	3		
113	Xã Thanh Sơn	3	3	40	1,500	376	9	375	374	10	361	11	453	10	311	90	8	73	4	9	15	15		
114	Xã Trần Thương	2		28	1,099	263	7	263	263	7	275	8	329	6	232	77	6	62	1	9	4	4		
115	Xã Trục Ninh	3	3	27	962	244	7	242	242	6	238	8	276	6	206	74	6	54	2	14	18	18		
116	Xã Vạn Thắng	3	3	51	2,249	544	12	542	541	13	553	14	627	12	527	106	6	92	1	8	35	35		
117	Xã Vĩnh Trụ	4	1	67	2,753	783	19	784	783	17	681	18	745	13	543	147	7	128	3	12	35	35		
118	Xã Vụ Bản	3	3	50	2,251	586	12	577	574	12	559	15	632	11	483	117	10	90	1	17	38	38		
119	Xã Vũ Dương	4	2	59	2,653	689	15	683	682	14	642	17	750	13	578	127	6	106	3	15	25	25		
120	Xã Xuân Giang	3	3	64	2,425	604	16	606	603	16	598	17	678	15	543	147	9	126	3	12	43	43		
121	Xã Xuân Hồng	2	2	45	1,679	403	11	404	403	11	433	12	465	11	377	105	9	86	1	10	22	22		
122	Xã Xuân Hưng	5	5	75	3,019	766	19	766	762	18	729	20	843	18	681	158	11	133	2	14	76	76		
123	Xã Xuân Trường	6	6	110	4,703	1,193	27	1,191	1,185	26	1,155	32	1,358	25	999	239	15	202	5	22	47	47		
124	Xã Ý Yên	5	3	89	3,650	952	22	947	945	21	876	26	1,037	20	790	201	11	166	3	24	40	40		
125	Xã Yên Cường	4	4	61	2,673	681	15	675	675	15	667	17	746	14	585	122	9	103	3	10	61	59	2	
126	Xã Yên Đồng	3	2	52	2,382	587	12	583	583	14	637	15	660	11	502	102	7	88	1	7	52	52		
127	Xã Yên Khánh	4	4	62	2,720	745	16	749	743	15	676	16	698	15	597	138	12	117	3	9	40	40		
128	Xã Yên Mạc	3	3	32	1,256	354	8	358	354	8	302	9	346	7	250	80	6	61	2	13	15	15		
129	Xã Yên Mô	4	3	56	2,192	583	15	577	576	14	561	15	603	12	451	134	12	101	5	21	10	8	2	
130	Xã Yên Tử	3	3	47	1,942	495	12	495	493	12	491	13	543	10	413	106	7	85	2	14	47	47		